

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2023/KDTM-ST

Ngày: 29-5-2023

V/v tranh chấp Hợp đồng
tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Phúc Hảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

Ông Lê Văn Quý

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Thế Vinh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Anh Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 5/2023/TLST-KDTM ngày 13 tháng 01 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1999/2023/QĐXXST-KDTM ngày 07 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2963/2023/QĐST-KDTM ngày 04 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần T; Địa chỉ trụ sở: Số 8x đường L, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Dương K và/hoặc ông Trần Huỳnh L; Địa chỉ: Số 9x đường C, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 51xx/20xx/UQ-xx ngày 20 tháng 12 năm 2022)

- **Bị đơn:** Công ty TNHH Quốc tế A; Địa chỉ trụ sở: Số 2x đường M, phường Đ, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1996; Địa chỉ: Xóm A, xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 02x-20xx/xx/UQ ngày 27 tháng 5 năm 2023)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn T, sinh năm 1979; Địa chỉ liên hệ: Số 2x đường M, phường Đ, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 12 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Trần Dương K và ông Trần Huỳnh L là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Ngày 04 tháng 02 năm 2021, Ngân hàng Thương mại Cổ phần T và Công ty TNHH Quốc tế A đã ký Hợp đồng cho vay hạn mức số BXX/21XXX với hạn mức tín dụng là 2.890.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng, Công ty TNHH Quốc tế A nợ Khế ước nhận nợ lần 1 số BXX/21XXX ngày 04 tháng 02 năm 2021 với lãi suất thời điểm giải ngân là 14.4%/năm., thời hạn vay là 12 tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Nguyễn T đã ký Hợp đồng bảo lãnh số BYY/21YYY ngày 04 tháng 02 năm 2021 sử dụng tài sản thuộc quyền sở hữu riêng để bảo lãnh nhằm đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH Quốc tế A.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đến thời hạn thanh toán Công ty TNHH Quốc tế A không hợp tác thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T.

Yêu cầu của nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần T yêu cầu Công ty TNHH Quốc tế A thanh toán một lần tổng nợ tính đến ngày 29 tháng 5 năm 2023 là 3.598.508.600 đồng, gồm: 2.890.000.000 đồng tiền nợ gốc; 708.508.600 đồng lãi quá hạn và tiền lãi chậm trả. Đồng thời, tiếp tục thanh toán lãi suất quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả xong nợ.

Trường hợp Công ty TNHH Quốc tế A không trả hoặc trả không đủ nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần T yêu cầu ông Nguyễn T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay theo Hợp đồng bảo lãnh số BYY/21YYY ngày 04 tháng 02 năm 2021.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Nguyễn T trình bày:

Ông xác nhận Công ty TNHH Quốc tế A và Ngân hàng Thương mại Cổ phần T đã ký Hợp đồng cho vay hạn mức số BXX/21XXX ngày 04 tháng 02 năm 2021 với hạn mức tín dụng 2.890.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng, Công ty TNHH Quốc tế A nợ Khế ước nhận nợ lần 1 số BXX/21XXX ngày 04 tháng 02 năm 2021 với lãi suất thời điểm giải ngân là 14.4%/năm. Thời gian sử dụng vốn của ngân hàng với mục đích kinh doanh vật liệu xây dựng của Công ty TNHH Quốc tế A trùng với thời điểm dịch Covid kéo dài do đó Công ty TNHH Quốc tế A rơi vào hoàn cảnh khó khăn, công việc kinh doanh thua lỗ kéo dài. Hiện nay Công ty TNHH Quốc tế A đang cố gắng tái cơ cấu để tiếp tục kinh doanh.

Ông xác nhận đến ngày 17 tháng 3 năm 2023, Công ty TNHH Quốc tế A còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần T 2.890.000.000 đồng tiền nợ gốc của Hợp đồng cho vay hạn mức số BXX/21XXX ngày 04 tháng 02 năm 2021.

Ông mong Ngân hàng Thương mại Cổ phần T giãn nợ để Công ty TNHH Quốc tế A phục hồi và trả nợ dần đến hết cho ngân hàng. Đề nghị ngân hàng không tính lãi phạt quá hạn và lãi vay trong 6 đến 12 tháng tới.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn T trình bày:

Ông xác nhận có ký Hợp đồng bảo lãnh số BYY/21YYY ngày 04 tháng 02 năm 2021 cho Hợp đồng cho vay hạn mức số BXX/21XXX ngày 04 tháng 02 năm 2021 với hạn mức tín dụng 2.890.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng ký giữa

Ngân hàng Thương mại Cổ phần T và Công ty TNHH Quốc tế A. Công ty TNHH Quốc tế A còn nợ Khế ước nhận nợ lần 1 số BXX/21XXX ngày 04 tháng 02 năm 2021 với lãi suất thời điểm giải ngân là 14.4%/năm. Thời gian sử dụng vốn của ngân hàng với mục đích kinh doanh vật liệu xây dựng của Công ty TNHH Quốc tế A trùng với thời điểm dịch Covid kéo dài do đó công ty rơi vào hoàn cảnh khó khăn, công việc kinh doanh thua lỗ kéo dài. Hiện nay công ty đang cố gắng tái cơ cấu để tiếp tục kinh doanh.

Ông mong muốn Ngân hàng Thương mại Cổ phần T giãn nợ để Công ty TNHH Quốc tế A phục hồi và trả nợ dần đến hết cho ngân hàng. Đề nghị ngân hàng không tính lãi phạt quá hạn và lãi vay trong 6 đến 12 tháng tới.

Trong trường hợp Công ty TNHH Quốc tế A không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T thì ông sẽ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh như hợp đồng đã ký.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn đề nghị nguyên đơn miễn lãi và cho thời gian 3 tháng tắt toán toàn bộ nợ gốc. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần T khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với Công ty TNHH Quốc tế A có địa chỉ trụ sở tại Số 2x đường M, phường Đ, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T đòi Công ty TNHH Quốc tế A trả số tiền nợ gốc 2.890.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn và tiền lãi chậm trả tính đến ngày 29 tháng 5 năm 2023 là 708.508.600 đồng; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự, có đủ cơ sở xác định Công ty TNHH Quốc tế A có vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền 2.890.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng cho vay hạn mức số BXX/21XXX ngày 04 tháng 02 năm 2021. Việc thỏa thuận cho vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T và Công ty TNHH Quốc tế A theo hợp đồng tín dụng nêu trên phù hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực thi hành.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị đơn xác nhận số tiền nợ gốc, tiền lãi bị đơn còn nợ nguyên đơn theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng, do đó yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn trả toàn bộ nợ gốc và lãi tính đến ngày 29 tháng 5 năm 2023 là 3.598.508.600 đồng là phù hợp thỏa thuận hai bên tại Điều 2, Điều 3 Hợp đồng tín dụng số BXX/21XXX ngày 04 tháng 02 năm 2021, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T đòi ông Nguyễn T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay theo Hợp đồng bảo lãnh số BYY/21YYY ngày 04 tháng 02 năm 2021 trong trường hợp Công ty TNHH Quốc tế A không trả hoặc trả không đủ nợ; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 04 tháng 02 năm 2021, ông Nguyễn T đã ký hợp đồng bảo lãnh số BYY/21YYY với Ngân hàng Thương mại Cổ phần T để bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ cho Công ty TNHH Quốc tế A. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T đòi ông Nguyễn T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty TNHH Quốc tế A trong trường hợp Công ty TNHH Quốc tế A không trả hoặc trả không đủ nợ là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 335, Điều 338, khoản 1 Điều 342 Bộ luật dân sự và thỏa thuận các bên tại Điều 2 Hợp đồng bảo lãnh số BYY/21YYY ngày 4 tháng 02 năm 2021 nên có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Quốc tế A đề nghị Ngân hàng Thương mại Cổ phần T hỗ trợ miễn lãi và cho thời gian 03 tháng để tất toán toàn bộ khoản vay nhưng Ngân hàng Thương mại Cổ phần T không đồng ý, do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu 103.970.172 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 14 Điều 4, khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95, khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T

Buộc Công ty TNHH Quốc tế A trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay hạn mức số BXX/21XXX ngày 04 tháng 02 năm 2021 và Khế ước nhận nợ lần 1 số BXX/21XXX ngày 04 tháng 02 năm 2021 tính đến ngày 29 tháng 5 năm 2023 là 3.598.508.600 đồng (gồm 2.890.000.000 đồng nợ gốc, 708.508.600 đồng lãi quá hạn và tiền lãi chậm trả)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng.

Trường hợp Công ty TNHH Quốc tế A không trả hoặc trả không đủ nghĩa vụ thì ông Nguyễn T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T thay cho Công ty TNHH Quốc tế A.

2. Về án phí: Công ty TNHH Quốc tế A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 103.970.172 đồng.

Hoàn lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 48.981.826 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/001xxxxx ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Phúc Hảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Phúc Hảo

